

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng
Việt Nam**

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	4
Bảng Cân đối Kế toán	7
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	11

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam là công ty cổ phần thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 ngày 28 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 15 ngày 11 tháng 11 năm 2022	Thay đổi trụ sở chính

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.250.000.000 đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 2 nhà D khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1, số 289A đường Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Đào tạo trung cấp;
- Giáo dục sơ cấp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Cửa xê, bảo, gỗ và bảo quần gỗ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và cho thuê cơ sở vật chất.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 58 nhân viên (Tại ngày 31.12.2022: 60 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo của Ban Giám đốc

1.5. Các đơn vị thành viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có đơn vị thành viên bao gồm 1 văn phòng và 1 đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập là Trường trung cấp kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình, có địa chỉ tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Trường trong năm là đào tạo nghề.

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch	29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên	29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	29 tháng 4 năm 2022
Ông Lại Thế Vĩnh	Thành viên	29 tháng 4 năm 2022
Ông Dương Văn Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2022

Thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên

Thành viên của Ban Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lại Thế Vĩnh	Giám đốc
Ông Dương Văn Sơn	Phó Giám Đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc năm kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Lại Thế Vinh, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



LẠI THẾ VINH
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 018/2023/HĐKT-DFKHN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (“Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2024, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được xác nhận cho số dư đầu năm của một số khoản mục được trình bày trên báo cáo tài chính như sau: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; Phải thu khác trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng; Phải thu từ khách hàng trị giá khoảng 7,3 tỷ đồng; Người mua trả trước trị giá khoảng 7,7 tỷ đồng; Phải trả cho người bán, tỷ lệ 93%, khoảng 1,1 tỷ đồng; Trả trước cho người bán trị giá khoảng 208 triệu đồng; Phải trả khác trị giá khoảng 9,1 tỷ đồng. Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của một số khoản mục được trình bày trên báo cáo tài chính như sau: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; Phải thu khác trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng; Phải thu từ khách hàng trị giá khoảng 5,8 tỷ đồng; Người mua trả trước trị giá khoảng 3 tỷ đồng; Phải trả cho người bán trị giá khoảng 333 triệu đồng; Trả trước cho người bán trị giá khoảng 214 triệu đồng; Phải trả khác trị giá khoảng 9 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu với giá trị là 56,25 tỷ đồng (chúng tôi chưa được cung cấp danh sách cổ đông cập nhật tại ngày kết thúc niên độ và cập nhật đến ngày lập báo cáo này). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này và cũng không thể đánh giá được các ảnh hưởng liên quan đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Như nêu tại Thuyết minh số 13 và 14 về các khoản đầu tư tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư 100% đối với các khoản đầu tư này. Chúng tôi chưa được cung cấp tài liệu về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của các đơn vị này. Ngoài ra chúng tôi cũng không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thay thế nào khác để có đủ cơ sở đưa ra nhận xét về các khoản đầu tư tài chính này. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ra nhận xét về tính đúng đắn về giá trị các khoản đầu tư này, cũng như những ảnh hưởng của chúng tới tình hình tài chính của Công ty.

Như nêu tại Thuyết minh số 20, khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội – Habubank (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội “SHB”) với số tiền khoảng 9,047 tỷ đồng là khoản nợ vay từ nhiều năm trước. Theo hồ sơ cho thấy trong năm tài chính 2012, SHB đã khởi kiện Công ty ra Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân. Tuy nhiên, đến ngày 17/01/2013, Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân đã ban hành Quyết định số 03/2013/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do “Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận”. Tranh chấp này đã được đình chỉ giải quyết khoảng 10 năm, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa có bất cứ quyết định hay phê duyệt nào để hạch toán kế toán khoản công nợ này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 về khoản lãi và gốc vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ gốc vay và lãi vay phải trả lần lượt là khoảng 18,754 tỷ đồng và 32,239 tỷ đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là khoảng 17,605 tỷ đồng, lãi quá hạn là 21,553 tỷ đồng; lãi phạt trên lãi chậm trả là khoảng 10,228 tỷ đồng và lãi ân hạn phải trả là khoảng 458 triệu đồng. Chúng tôi chưa nhận được bất kỳ thỏa thuận nào về việc chấp thuận gia hạn thanh toán từ phía Ngân hàng và chưa đánh giá được liệu có các sự kiện về kiện tụng tiềm tàng có liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty hay không.

Như trình bày trong Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính, Công ty đã tạm ứng cho nhân viên số tiền 9,5 tỷ đồng để thực hiện nghiên cứu và đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Nuông Dăm. Tại ngày lập báo cáo này, dự án chưa được chấp thuận bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung quy hoạch. Ngoài ra, Nghị quyết về đầu tư dự án này chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông. Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá về khả năng thu hồi khoản tạm ứng này.

Công ty ghi nhận chi phí xăng xe của năm 2022 vào năm 2023 với tổng giá trị 2,3 tỷ đồng. Đây là phần chi phí dở dang phục vụ cho các khóa học chưa thực hiện đào tạo xong của năm 2022 và sẽ hoàn thành đào tạo trong năm 2023. Nếu Công ty ghi nhận đúng kỳ sẽ làm ảnh hưởng đến số liệu tài chính của năm 2022 như sau: làm tăng giá trị khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giảm Lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và giảm Lỗ trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Năm 2023 sẽ ghi nhận tăng Giá vốn và tăng Lỗ trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2023, Công ty ghi nhận toàn bộ chi phí thuê xe vào giá vốn mà chưa xác định chi phí dở dang tương ứng với phần doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo chưa ghi nhận. Theo ước tính của chúng tôi, phần vốn ghi nhận chưa tương ứng với doanh thu và cao hơn thực tế là khoảng 1,1 tỷ đồng, dẫn đến chi tiêu Giá vốn trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và khoản lỗ kế toán trước thuế của Công ty giảm đi với giá trị tương ứng.

Trong năm 2023, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao tài sản và chi phí trả trước của năm 2019 và 2022 với tổng giá trị khoảng 1,5 tỷ đồng như được trình bày tại Thuyết minh 30. Chúng tôi chưa được giải thích về việc ghi nhận này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến từ chối, chúng tôi lưu ý về việc Công ty chưa công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo hướng dẫn và quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin thị trường chứng khoán. Chúng tôi không thể đưa ra nhận xét về những ảnh hưởng này đến hoạt động của Công ty.

Mặc dù không nhằm đưa ra ý kiến từ chối, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 26 và Thuyết minh số 27 trong báo cáo tài chính về giao dịch chuyển nhượng cổ phần đã phát sinh giao dịch mua bán với các cá nhân với cùng số lượng cổ phần trong công ty có liên quan mà các giao dịch này phát sinh lỗ trong năm 2022 và lãi trong năm 2023.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 34 của các báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 85,6 tỷ đồng và Nợ phải trả của Công ty vượt giá trị Tổng tài sản là khoảng 20,2 tỷ đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh do sự kiện không chắc chắn này. Các ảnh hưởng liên quan sẽ được đề cập trong các báo cáo tài chính khi có thể xác định và ước tính được.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán Từ chối đưa ra ý kiến như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN TIẾN DŨNG
Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0800-2023-042-1

HÀ NỘI
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN THANH TUẤN
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 2301-2023-042-1

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2023	31.12.2022
A. Tài sản ngắn hạn	100		13.810.052.297	14.177.739.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.354.813.607	4.384.654.883
1. Tiền	111		2.354.813.607	3.884.654.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.077.944.999	8.509.053.871
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	5.891.410.801	7.375.572.804
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		213.950.000	208.702.540
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	11.544.015.542	8.496.209.671
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.571.431.144)	(7.571.431.144)
III. Hàng tồn kho	140	9	350.271.443	246.621.432
1. Hàng tồn kho	141		350.271.443	246.621.432
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.027.022.248	1.037.409.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.964.851	7.403.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	988.147.405	971.804.304
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	35.909.992	58.201.498
B. Tài sản dài hạn	200		32.712.269.088	42.510.292.946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	4.245.700.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	-	4.245.700.000
II. Tài sản cố định	220		31.724.111.565	36.096.926.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.964.165.538	34.102.482.090
- Nguyên giá	222		78.291.394.489	77.926.387.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.327.228.951)	(43.823.905.867)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.759.946.027	1.994.444.437
- Nguyên giá	228		4.809.292.842	4.809.292.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.049.346.815)	(2.814.848.405)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	3.126.131.763	3.126.131.763
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	500.000.000	500.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254	13,14	(3.626.131.763)	(3.626.131.763)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		988.157.523	2.167.666.419
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	988.157.523	2.167.666.419
Tổng cộng tài sản	270		46.522.321.385	56.688.032.334

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2023	31.12.2022
C. Nợ phải trả	300		66.684.861.260	67.888.653.504
I. Nợ ngắn hạn	310		66.684.861.260	65.438.852.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	565.853.451	1.203.491.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.048.520.000	7.739.974.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	269.563.475	217.906.145
4. Phải trả người lao động	314		1.893.317.426	1.844.185.570
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	76.000.000	50.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	41.999.723.597	37.536.629.743
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	18.754.600.720	16.769.383.341
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.282.591	77.282.591
II. Nợ dài hạn	330		-	2.449.800.720
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	2.449.800.720
D. Vốn chủ sở hữu	400		(20.162.539.875)	(11.200.621.170)
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	(20.162.539.875)	(11.200.621.170)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.250.000.000	56.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.250.000.000	56.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.922.401.000	8.922.401.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		204.421.894	204.421.894
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.282.591	77.282.591
5. Lỗ lũy kế	421		(85.616.645.360)	(76.654.726.655)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(76.654.726.655)	(76.074.152.843)
- Lỗ kỳ này	421b		(8.961.918.705)	(580.573.812)
Tổng cộng nguồn vốn	440		46.522.321.385	56.688.032.334

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 31 tháng 3 năm 2024

LẠI THẾ VINH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu	01	23	28.562.323.416	66.581.604.576
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.111.111)	-
3. Doanh thu thuần	10		28.561.212.305	66.581.604.576
4. Giá vốn hàng bán	11	24,25	(26.948.754.156)	(50.066.003.028)
5. Lợi nhuận gộp	20		1.612.458.149	16.515.601.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.567.143.701	19.434.091
7. Chi phí tài chính	22	27	(4.652.159.038)	(8.408.006.349)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(4.652.159.038)	(4.408.006.349)
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	(7.112.879.961)	(8.721.034.219)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(6.585.437.149)	(594.004.929)
11. Thu nhập khác	31	29	352.910.091	31.821.227
12. Chi phí khác	32	30	(2.729.391.647)	(18.390.110)
13. Lợi nhuận khác	40		(2.376.481.556)	13.431.117
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.961.918.705)	(580.573.812)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(8.961.918.705)	(580.573.812)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(1.593)	(103)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 3 năm 2024



LÀ THẾ VINH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8.961.918.705)	(580.573.812)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.737.821.494	3.187.347.247
Các khoản dự phòng	03		-	1.254.231.842
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(3.567.143.701)	3.480.565.909
Chi phí lãi vay	06		4.652.159.038	4.408.006.349
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu	09		(1.562.942.723)	255.843.982
Thay đổi hàng tồn kho	10		(103.650.011)	338.930.866
Thay đổi các khoản phải trả	11		(4.879.014.735)	(3.963.441.388)
Thay đổi chi phí trả trước	12		1.183.947.445	(1.263.252.062)
Tiền lãi vay đã trả	14		(512.353.206)	(1.817.628.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.013.095.104)	5.300.030.477
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(365.006.532)	(466.592.127)
2. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.680.000.000)
3. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.245.700.000	8.945.000.000
4. Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	-
5. Thu hồi đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	26		8.550.000.000	1.500.000.000
6. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.143.701	19.434.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.447.837.169	317.841.964
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	3.1	(464.583.341)	(2.584.999.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(464.583.341)	(2.584.999.992)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.029.841.276)	3.032.872.449
Tiền tồn đầu năm	60		4.384.654.883	1.351.782.434
Tiền tồn cuối năm	70	3	2.354.813.607	4.384.654.883

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 31 tháng 3 năm 2024

AT THE VINH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam là công ty cổ phần thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 ngày 28 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh Nội dung điều chỉnh
Lần 15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 Thay đổi trụ sở chính

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.250.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Đào tạo trung cấp;
- Giáo dục sơ cấp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Cửa xe, bảo, gỗ và bảo quần gỗ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và cho thuê cơ sở vật chất.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị thành viên là Văn phòng và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Nghị định kèm theo số 174/2016/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi không kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.5. Công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần Thuyết minh này hoặc các Thuyết minh về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ phải trả tài chính hoặc vốn chủ sở hữu phù hợp với những điều khoản ràng buộc trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận tương tự. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận, các khoản lỗ và lãi có liên quan đến công cụ tài chính hoặc cấu phần của nó mà là nợ tài chính phải trả được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông được ghi giảm trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì khoản phải trả về cổ tức cho các cổ đông của cổ phiếu ưu đãi đó được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

Cụ thể:

a) Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

- Tài sản tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các nhóm sau: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- Nợ phải trả tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

b) Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau khi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm cả sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 47
Máy móc và thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	10

2.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

a) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện quyền sử dụng khu đất thuê được từ việc góp vốn. Nguyên giá của quyền sử dụng đất có thời hạn là những chi phí liên quan như tiền thuê đất trả trước/chi phí đền bù, giải phóng, cải tạo mặt bằng/chi phí tư vấn pháp lý và/hoặc giá trị của lô đất được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất/thời gian thuê khu đất là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

b) Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5-10 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.10. Các khoản đầu tư

a) Đầu tư vào liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty liên kết, liên doanh sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

c) Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Chi phí thuê xe đào tạo;
- Công cụ dụng cụ;
- Chi phí giám sát hành trình;

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

2.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.20. Phân loại lại

Một số khoản mục trong báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Tiền mặt	240.748.366	286.212.647
Tiền gửi ngân hàng	2.114.065.241	3.598.442.236
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	2.354.813.607	4.384.654.883

3.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Nội dung	2023	2022
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	464.583.341	2.504.999.992

4. Phải thu của khách hàng

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Phải thu khách hàng ngắn hạn	486.304.220	1.970.466.423
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Dương Lâm	78.347.650	78.347.650
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hòa Bình	-	90.618.203
Công ty Cổ phần Cavico xây dựng Cầu Hàm	270.534.870	270.534.870
Nguyễn Văn Linh	-	1.500.000.000
Khác	137.421.900	30.965.900
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	5.405.106.381	5.405.106.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (*)	5.361.906.381	5.361.906.381
Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	43.200.000	43.200.000
	5.891.410.601	7.375.572.804

(*) Là khoản công nợ được gia hạn theo Phụ lục hợp đồng mua bán cổ phiếu số PL02/2014-LC ngày 10/12/2014 thời gian gia hạn đến hết năm 2020. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Năng lượng Lào Cai chưa thanh toán, và đã dời bỏ địa điểm kinh doanh. Khoản phải thu này đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

5. Phải thu về cho vay

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Phải thu về cho vay dài hạn là bên liên quan	-	4.245.700.000
Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	-	4.245.700.000
	-	4.245.700.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Ngắn hạn	11.558.415.542	8.496.209.671
Tạm ứng	9.701.766.753	6.667.619.241
Nguyễn Thị Huệ	-	3.808.420.000
Vũ Thị Trang (*)	9.500.000.000	2.505.990.000
Nguyễn Thị Tú	108.711.451	184.179.097
Các đối tượng khác	93.055.302	169.030.144
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Phạm Đình Quang	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	1.837.248.789	1.823.590.430
Công ty Cổ Phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	730.195.667	727.195.667
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt	690.900.000	690.900.000
Công ty Cổ Phần Xi măng Mai Sơn	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge	81.754.728	81.754.728
Các đối tượng khác	219.905.394	209.247.035
Thu các bên liên quan	14.493.000	14.493.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	14.493.000
	11.544.015.542	8.496.209.671

(*) Thể hiện số tiền đã tạm ứng từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2023 cho bà Vũ Thị Trang - nhân viên hành chính của Công ty. Số tiền tạm ứng này để thực hiện công việc nghiên cứu và đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Nuông Dăm tại xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình với tổng mức vốn đầu tư 900 tỷ đồng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty về việc nghiên cứu và đầu tư dự án này. Công ty đang trong giai đoạn nghiên cứu, xin chủ trương đầu tư dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có bất kỳ văn bản chấp thuận nào của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc này.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	2023	2022
Số dư đầu năm	7.571.431.144	6.817.199.302
Tăng dự phòng trong năm	-	754.231.842
Số dư cuối năm	7.571.431.144	7.571.431.144

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Nợ xấu

Nội dung	31.12.2023		31.12.2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	7.574.723.314	3.292.170	7.574.723.314	3.292.170
	7.574.723.314	3.292.170	7.574.723.314	3.292.170

Chi tiết một số đối tượng phải thu quá hạn như sau:

Nội dung	31.12.2023		31.12.2022	
	Thời gian quá hạn (tháng)	Giá trị	Thời gian quá hạn (tháng)	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	120	5.361.906.381	108	5.361.906.381
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí Việt	120	690.000.000	108	690.000.000
Công ty Cổ Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	120	722.641.667	108	722.641.667
Khác	120	800.175.266	108	800.175.266
		7.574.723.314		7.574.723.314

9. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2023		31.12.2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.127.799	-	13.127.799	-
Công cụ, dụng cụ	337.143.644	-	233.493.633	-
	350.271.443	-	246.621.432	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
	Công cụ, dụng cụ	7.403.400	51.970.000	(56.408.549)
	7.403.400	51.970.000	(56.408.549)	2.964.851

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	51.016.682.298	11.693.910.835	11.917.919.814	436.970.909	2.860.904.101	77.926.387.957
Tăng trong năm	181.780.259	37.727.273	-	145.499.000	-	365.006.532
Trong đó:						
Mua mới	-	37.727.273	-	145.499.000	-	183.226.273
Xây dựng mới	181.780.259	-	-	-	-	181.780.259
Số dư cuối năm	51.198.462.557	11.731.638.108	11.917.919.814	582.469.909	2.860.904.101	78.291.394.489
Giá trị hao mòn						
Số dư đầu năm	24.429.577.143	6.544.009.597	10.124.624.902	436.970.909	2.288.723.316	43.823.905.867
Tăng trong năm	2.055.208.398	742.935.017	332.763.516	23.141.637	286.090.416	3.440.138.984
Tăng do điều chỉnh lại chênh lệch khấu hao các năm trước	1.063.184.100	-	-	-	-	1.063.184.100
Số dư cuối năm	27.547.969.641	7.286.944.614	10.457.388.418	460.112.546	2.574.813.732	48.327.228.951
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	26.587.105.155	5.149.901.238	1.793.294.912	-	572.180.785	34.102.482.090
Số dư cuối năm	23.650.492.916	4.444.693.494	1.460.531.396	122.357.363	286.090.369	29.964.165.538

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là khoảng 19,5 tỷ đồng (31.12.2022: 20,1 tỷ đồng).
- Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 17,7 tỷ đồng (31.12.2022: 15,7 tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Website	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.560.580.000	50.000.000	2.198.712.842	4.809.292.842
Số dư cuối năm	2.560.580.000	50.000.000	2.198.712.842	4.809.292.842
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	2.142.607.740	50.000.000	622.240.665	2.814.848.405
Tăng trong năm	190.524.158	-	43.974.252	234.498.410
Số dư cuối năm	2.333.131.898	50.000.000	666.214.917	3.049.346.815
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	417.972.260	-	1.576.472.177	1.994.444.437
Số dư cuối năm	227.448.102	-	1.532.497.925	1.759.946.027

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của số tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là khoảng 1,495 tỷ đồng (31.12.2022: 1,539 tỷ đồng).
- Nguyên giá của số tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 1,667 tỷ đồng (31.12.2022: 1,189 tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Nội dung	31.12.2023		31.12.2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (*)	30	3.126.131.763	(3.126.131.763)	(3.126.131.763)
		3.126.131.763	(3.126.131.763)	(3.126.131.763)

(*) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai để đầu tư dự án thủy điện Nậm Xây Nội 1 tại tỉnh Lào Cai với tổng vốn đầu tư khoảng 128,39 tỷ đồng. Tuy nhiên, do dự án nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên nên bị yêu cầu tạm dừng thực hiện tại ngày 31/12/2023 Công ty đã trích lập 100% dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Theo thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng Cục thuế (gdt.gov.vn), công ty này không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (nhưng chưa thực hiện thủ tục đóng mã số thuế).

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Nội dung	31.12.2023		31.12.2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam (*)	11	500.000.000	(500.000.000)	(500.000.000)
		500.000.000	(500.000.000)	(500.000.000)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam tại thời điểm 31/12/2023 đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 100%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm/Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí thuê xe đào tạo	16.666.664	10.292.000.000	(10.308.666.664)	-
Công cụ dụng cụ	402.342.318	48.800.000	(384.044.795)	67.097.523
Chi phí giám sát hành trình	1.748.657.437	-	(827.597.437)	921.060.000
	2.167.666.419	10.340.800.000	(11.520.308.896)	988.157.523

16. Phải trả người bán

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Phải trả người bán ngắn hạn	565.853.451	1.203.491.394
Công ty TNHH Công nghệ Xây dựng Hoàng Minh	85.815.416	85.815.416
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Việt Nam	65.636.000	65.636.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Ecotek (Elcom)	44.365.600	900.921.600
Nguyễn Thị Tú	33.710.000	30.691.200
Nguyễn Thị Huệ	66.300.000	-
Trung tâm Sửa chữa ô tô Giáp Hà	240.000	31.895.000
Khác	269.786.435	88.532.178
	565.853.451	1.203.491.394

17. Người mua trả tiền trước

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.048.520.000	7.739.974.000
Trung tâm dạy nghề Ban CHQS tỉnh Hòa Bình	18.140.000	18.140.000
Học viên cá nhân	3.030.380.000	7.721.834.000
	3.048.520.000	7.739.974.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

18. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm/Đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	971.804.304	158.429.520	(142.086.419)	988.147.405
	971.804.304	158.429.520	(142.086.419)	988.147.405
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	185.745.431	587.215.874	(503.397.830)	269.563.475
Thuế thu nhập cá nhân	(48.512.678)	104.851.799	(82.560.293)	(26.221.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.688.820)	-	-	(9.688.820)
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế sử dụng đất, tiền thuê đất	29.295.604	-	(29.295.604)	-
Các loại thuế khác	2.865.110	-	(2.865.110)	-
	159.704.647	696.067.673	(622.118.837)	233.653.483

18.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

18.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là mức 20%.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2023	2022
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(8.961.918.705)	(580.573.812)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	199.785.252	586.865.110
Các khoản điều chỉnh tăng	199.785.252	586.865.110
Các khoản phạt thuế và hành chính	16.369.930	2.865.110
Chi phí không hợp lý hợp lệ	39.415.322	500.000.000
Chi phí thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	144.000.000	84.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	(8.762.133.453)	6.291.298
Lỗ năm trước chuyển sang	-	6.291.298
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	(8.762.133.453)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Chuyển lỗ từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Giá trị thực tế của khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển còn tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và sự chấp thuận của cơ quan thuế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản lỗ lũy kế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng quyết toán	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31.12.2023	Số lỗ không được chuyển	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31.12.2023 (*)
2019	Chưa quyết toán	4.317.337.270	-	-	4.317.337.270
2020	Chưa quyết toán	5.475.006.161	-	-	5.475.006.161
2021	Chưa quyết toán	2.809.625.732	6.291.298	-	2.803.334.434
2023	Chưa quyết toán	8.762.133.453	-	-	8.762.133.453
		21.364.102.616	6.291.298	-	21.357.811.318

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ này do Công ty thấy không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai mà từ đó Công ty có thể sử dụng được các lợi ích qua việc bù trừ với các khoản lỗ này.

18.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
<i>Ngắn hạn</i>	<i>76.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
Phí dịch vụ chuyên môn	76.000.000	50.000.000
	76.000.000	50.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Ngắn hạn	41.999.723.597	37.536.629.743
Bảo hiểm xã hội	71.737.198	4.201.611
Kinh phí công đoàn	365.930.754	300.265.594
Các khoản phải trả phải nộp khác	41.562.055.645	37.232.162.538
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (*)	32.239.468.581	28.099.662.749
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (**)	9.047.130.811	9.047.130.811
- Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	156.000.000	45.000.000
- Các khoản phải trả khác	119.456.253	40.368.978
	41.999.723.597	37.536.629.743

(*) Bao gồm các khoản lãi phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, trong đó: Lãi quá hạn là khoảng 21,553 tỷ đồng; Lãi phạt trên lãi chậm trả khoảng 10,228 tỷ đồng và Lãi ân hạn chưa thu khoảng 458 triệu đồng.

(**) Là khoản vay từ nhiều năm trước của Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội - Habubank. Tại ngày 18/8/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (Habubank) chính thức sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB). Habubank chính thức phá sản vào ngày 12/1/2023. Ngân hàng SHB đã khởi kiện ra Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân năm 2012. Tuy nhiên, ngày 17/1/2013, Tòa đã ban hành Quyết định số 03/2013/QĐST-DS về đình chỉ vụ án do SHB có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

21. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Vay ngắn hạn	18.754.600.720	16.769.383.341
Vay ngân hàng	18.754.600.720	16.769.383.341
Vay dài hạn	-	2.449.800.720
Vay ngân hàng	-	2.449.800.720
	18.754.600.720	19.219.184.061

21.1. Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2023
Ngắn hạn					18.754.600.720
Vay ngân hàng					18.754.600.720
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	12	31/12/2023	12,6	Quyền sử dụng đất	17.604.800.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	3	31/03/2024	8,4	Quyền sử dụng đất	1.149.800.720
					18.754.600.720

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu

22.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn có phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 31.12.2021	56.250.000.000	8.922.401.000	204.421.894	77.282.591	(76.074.152.843)	(10.620.047.358)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(580.573.812)	(580.573.812)
Số dư 31.12.2022	56.250.000.000	8.922.401.000	204.421.894	77.282.591	(76.654.726.655)	(11.200.621.170)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(8.961.918.705)	(8.961.918.705)
Số dư 31.12.2023	56.250.000.000	8.922.401.000	204.421.894	77.282.591	(85.616.645.360)	(20.162.539.875)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22.2. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2023	2022
Vốn cổ phần đầu năm	56.250.000.000	56.250.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Bổ sung từ các quỹ	-	-
Điều chỉnh cho năm trước	-	-
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	56.250.000.000	56.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	-	-

22.3. Cổ phần

Nội dung	31.12.2023	31.12.2022
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phần thường</i>	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
<i>Cổ phần thường</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phần thường</i>	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

23. Doanh thu

Nội dung	2023	2022
Doanh thu đào tạo lái xe	21.928.920.000	58.936.220.000
Doanh thu cho thuê cơ sở vật chất	2.411.002.509	4.352.543.568
Doanh thu cho thuê xe chíp	4.222.400.907	1.054.006.908
Doanh thu bán thành phẩm viên gỗ nén	-	1.998.834.100
Doanh thu cho thuê xe	-	240.000.000
	28.562.323.416	66.581.604.576

Trong đó:

Nội dung	2023	2022
Doanh thu đối với các bên khác	28.562.323.416	66.581.604.576
	28.562.323.416	66.581.604.576

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

24. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2023	2022
Giá vốn của đào tạo lái xe	22.168.425.658	40.594.243.222
Giá vốn của cho thuê cơ sở vật chất	2.621.705.404	3.238.318.690
Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe chip	2.158.623.094	2.227.942.741
Giá trị bán hàng	-	3.899.045.283
Giá vốn thuê xe	-	106.453.092
	26.948.754.156	50.066.003.028

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Nội dung	2023	2022 (trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	8.181.664.135	26.405.637.687
Chi phí nhân công trực tiếp	3.831.193.899	8.097.107.700
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.581.549.349	1.448.913.858
Chi phí khấu hao	1.793.642.317	3.654.096.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.393.604.456	16.953.240.680
Chi phí dự phòng	-	754.231.842
Chi phí khác	167.100.000	2.147.873.047
	26.948.754.156	59.461.101.252

26. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2023	2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.143.701	19.434.091
Lãi từ hoạt động mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	3.550.000.000	-
	3.567.143.701	19.434.091

27. Chi phí tài chính

Nội dung	2023	2022
Chi phí lãi vay	4.652.159.038	4.408.006.349
Lỗ từ hoạt động mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	-	3.500.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	500.000.000
	4.652.159.038	8.408.006.349

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2023	2022
Chi phí nhân viên quản lý	4.007.698.253	3.831.245.456
Chi phí đồ dùng văn phòng	444.529.413	514.255.324
Chi phí khấu hao	733.295.241	603.700.512
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	754.231.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.157.736	1.207.318.125
Chi phí khác	680.199.318	1.806.282.960
	7.112.879.961	8.721.034.219

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

29. Thu nhập khác

Nội dung	2023	2022
Hoàn nhập chi phí hao mòn TSCĐ	113.339.888	-
Hoàn nhập chi phí trả trước	38.187.964	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	31.818.182
Thu nhập khác	201.382.239	3.045
	352.910.091	31.821.227

30. Chi phí khác

Nội dung	2023	2022
Chi phí phạt thuế, hành chính	16.369.934	2.865.110
Điều chỉnh tăng chi phí hao mòn TSCĐ của năm 2022	1.176.523.988	-
Điều chỉnh tăng chi phí trả trước	349.382.567	-
Khấu hao TSCĐ của xưởng sản xuất gỗ nên do đã ngừng hoạt động sản xuất	1.187.115.158	-
Phạt thanh lý hợp đồng cho thuê trước hạn	-	15.000.000
Khác	-	525.000
	2.729.391.647	18.390.110

31. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2023	2022
<i>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</i>		
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	(8.961.918.705)	(580.573.812)
<i>Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</i>	(8.961.918.705)	(580.573.812)
<i>Số lượng cổ phần phổ thông bình quân trong kỳ</i>	-	-
- Số lượng cổ phần đầu kỳ	-	-
- Số lượng cổ phần bình quân phát hành trong kỳ	5.625.000	5.625.000
- Số lượng cổ phần bình quân mua lại trong kỳ	-	-
<i>Số lượng cổ phần bình quân trong kỳ</i>	5.625.000	5.625.000
<i>Lãi cơ bản trên cổ phần</i>	(1.593)	(103)

32. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

32.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2023	2022
Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	Công ty có cùng ban lãnh đạo	Cho vay	-	3.180.000.000
		Thu tiền cho vay	4.245.700.000	2.140.000.000

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

32.2. Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			31.12.2023	31.12.2022
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai				
Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	Công ty liên kết Công ty có cùng ban lãnh đạo	Bán hàng	5.361.906.381	5.361.906.381
		Bán hàng	43.200.000	43.200.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai				
	Công ty liên kết		3.126.131.763	3.126.131.763
Cho vay				
Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	Công ty có cùng ban lãnh đạo	Cho vay	-	4.245.700.000
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai				
	Công ty liên kết	Chi hộ	14.493.000	14.493.000

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm không cần đảm bảo, (không) có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty.

32.3. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Nội dung	2023	2022
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	27.000.000
Các thành viên Hội đồng Quản trị khác	120.000.000	72.000.000
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	409.744.500	497.606.000
Giám đốc	635.280.000	616.737.000
Các thành viên quản lý khác	548.124.000	537.682.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	18.000.000
Thủ lao Ban kiểm soát	36.000.000	18.000.000
Các thành viên quản lý khác	106.854.000	89.222.000
	1.856.002.500	1.876.247.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

33. Công cụ tài chính

33.1. Quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty cũng có các tài sản tài chính như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí của rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa, dịch vụ và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro tài chính bao gồm các khoản vay và nợ, phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, các khoản đặt cọc, phải trả người bán và phải trả khác.

i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

ii) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty như tiền gửi bằng ngoại tệ và các hoạt động kinh doanh hàng ngày khác. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Rủi ro của những thay đổi tỷ giá ngoại tệ của công ty là trung bình.

iii) Rủi ro về giá hàng hóa, dịch vụ

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa, dịch vụ. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, dịch vụ thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, dịch vụ.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu thương mại) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

i) Phải thu thương mại và phải thu khác

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu/cho vay chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu/cho vay còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

ii) Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii) Công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu đã được lập dự phòng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

Ngày 31.12.2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	18.754.600.720	-	-	18.754.600.720
Phải trả người bán	565.853.451	-	-	565.853.451
Chi phí phải trả	76.000.000	-	-	76.000.000
Phải trả khác	41.999.723.597	-	-	41.999.723.597
	61.396.177.768	-	-	61.396.177.768

Ngày 31.12.2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	16.769.383.341	-	-	16.769.383.341
Vay dài hạn	-	2.449.800.720	-	2.449.800.720
Phải trả người bán	1.203.491.394	-	-	1.203.491.394
Chi phí phải trả	50.000.000	-	-	50.000.000
Phải trả khác	37.536.629.743	-	-	37.536.629.743
	55.559.504.478	2.449.800.720	-	58.009.305.198

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

33.2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

Tài sản tài chính	31.12.2023		31.12.2022	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.354.813.607	-	4.384.654.883	-
Phải thu khách hàng	5.891.410.601	5.725.616.931	7.375.572.804	5.725.616.931
Phải thu về cho vay	-	-	4.245.700.000	-
Phải thu khác	11.544.015.542	1.845.815.213	8.496.209.671	1.845.815.213
	19.790.239.750	7.571.431.144	24.502.137.358	7.571.431.144

Nợ phải trả tài chính	31.12.2023	31.12.2022
Các khoản vay và nợ	18.754.600.720	19.219.184.061
Phải trả người bán	565.853.451	1.203.491.394
Chi phí phải trả	76.000.000	50.000.000
Phải trả khác	41.999.723.597	37.536.629.743
	61.396.177.768	58.009.305.198

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán thì các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính này thì được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

34. Khả năng hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính được lập với giả định là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động theo khái niệm hoạt động liên tục. Tại ngày lập báo cáo, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 85,6 tỷ đồng và Nợ phải trả của Công ty lớn hơn giá trị Tổng tài sản là khoảng 20,2 tỷ đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ chủ sở hữu. Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để ban lãnh đạo Công ty tin rằng chủ sở hữu sẽ không tiếp tục cung cấp các hỗ trợ cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

35. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2024.



DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng